

Số: 58/2026/NQ-HĐND

Hà Nội, ngày 15 tháng 6 năm 2026

## NGHỊ QUYẾT

**Quy định chính sách phát triển khởi nghiệp sáng tạo, đổi mới sáng tạo, bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trên địa bàn thành phố Hà Nội**  
(thực hiện điểm b, e, g khoản 2 Điều 18 Luật Thủ đô số 02/2026/QH16)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thủ đô số 02/2026/QH16;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11, được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 36/2009/QH12, Luật số 42/2019/QH14, Luật số 07/2022/QH15 và Luật số 131/2025/QH15;

Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa số 05/2007/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 78/2025/QH15;

Xét Tờ trình số 257/TTr-UBND ngày 10 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân Thành phố; Báo cáo thẩm tra số 52/BC-BKHCMNT ngày 11 tháng 6 năm 2026 của Ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường Hội đồng nhân dân Thành phố; Báo cáo tiếp thu, giải trình số 266/BC-UBND, văn bản số 2769/UBND-TH ngày 14 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân Thành phố và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội ban hành Nghị quyết quy định chính sách phát triển khởi nghiệp sáng tạo, đổi mới sáng tạo, bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trên địa bàn thành phố Hà Nội.

### Chương I

#### QUY ĐỊNH CHUNG

##### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Cơ chế, chính sách phát triển khởi nghiệp sáng tạo, đổi mới sáng tạo, thương mại hóa sản phẩm, bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trên địa bàn thành phố Hà Nội theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 18 Luật Thủ đô số 02/2026/QH16 (sau đây gọi là Luật Thủ đô).

2. Trường hợp giao trực tiếp đối với nhiệm vụ đổi mới sáng tạo có sử dụng ngân sách Thành phố theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 18 Luật Thủ đô.

3. Việc thành lập hoặc tham gia thành lập doanh nghiệp, tham gia quản lý, điều hành, tham gia góp vốn vào doanh nghiệp để thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ thuộc quyền sở hữu trí tuệ của các cơ sở giáo dục đại học công lập, cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập, tổ chức khoa học và công nghệ công lập khác thuộc phạm vi quản lý của Thành phố và viên chức làm việc tại các cơ sở, tổ chức đó theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 18 Luật Thủ đô.

## **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp thuộc quản lý của Thành phố.

2. Doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, sở hữu trí tuệ, nâng cao năng suất chất lượng trên địa bàn Thành phố.

3. Cơ sở giáo dục đại học công lập, cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập, tổ chức khoa học và công nghệ công lập khác thuộc phạm vi quản lý của Thành phố và viên chức làm việc tại các cơ sở, tổ chức đó.

## **Điều 3. Giải thích từ ngữ**

1. *Dự án khởi nghiệp sáng tạo* là nhiệm vụ hình thành, phát triển mô hình kinh doanh sáng tạo dựa trên công nghệ, ý tưởng đột phá hoặc mô hình kinh doanh mới, do cá nhân, nhóm cá nhân hoặc tổ chức thực hiện, nhằm tạo ra giá trị mới, giải quyết vấn đề thị trường hoặc kinh tế - xã hội.

2. *Dự án đổi mới sáng tạo* là nhiệm vụ tạo ra sản phẩm mới, dịch vụ mới, quy trình mới, mô hình kinh doanh mới hoặc cải tiến đáng kể so với sản phẩm, dịch vụ, quy trình, mô hình kinh doanh đã có.

3. *Hỗ trợ bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ* là hoạt động hỗ trợ tạo lập, đăng ký bảo hộ, quản lý, khai thác, phát triển, xác định giá trị, thương mại hóa, thực thi, nâng cao năng lực bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ; hỗ trợ tư vấn, đào tạo, cung cấp thông tin, giám định, xử lý tranh chấp và xử lý hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ.

4. *Tổ chức trung gian hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo* là tổ chức cung cấp các nguồn lực, dịch vụ hỗ trợ cho khởi nghiệp sáng tạo, đổi mới sáng tạo theo quy định của pháp luật.

5. *Thành lập doanh nghiệp để thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ thuộc quyền sở hữu trí tuệ của cơ sở đó* là việc cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập góp 100% vốn điều lệ thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên theo quy định của pháp luật doanh nghiệp.

6. *Tham gia thành lập doanh nghiệp để thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ thuộc quyền sở hữu trí tuệ của cơ sở đó* là việc cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập tham gia góp vốn thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty cổ phần hoặc công ty hợp danh theo quy định pháp luật doanh nghiệp.

7. *Tham gia góp vốn vào doanh nghiệp để thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ thuộc quyền sở hữu trí tuệ của cơ sở đó* là việc cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập hoặc viên chức làm việc tại cơ sở công lập tham gia góp thêm vốn điều lệ vào công ty đã được thành lập theo quy định của pháp luật doanh nghiệp.

8. *Tham gia quản lý, điều hành doanh nghiệp để thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ thuộc quyền sở hữu trí tuệ của cơ sở đó* là việc cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập cử viên chức làm việc tại cơ sở đó tham gia quản lý, điều hành doanh nghiệp được cơ sở đó thành lập, tham gia thành lập, tham gia góp vốn.

9. *Kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ thuộc quyền sở hữu trí tuệ của cơ sở công lập* là quyền sở hữu, quyền sử dụng các tài sản trí tuệ được pháp luật bảo hộ hoặc có căn cứ xác định tính mới và hiệu quả thương mại.

10. *Bài toán đổi mới sáng tạo* của Thành phố là vấn đề, nhu cầu hoặc thách thức phát sinh từ thực tiễn quản lý nhà nước, phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường, nâng cao chất lượng dịch vụ công, phát triển đô thị, hoặc từ yêu cầu nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả hoạt động của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố cần được giải quyết thông qua sản phẩm, dịch vụ, mô hình, công nghệ hoặc giải pháp đổi mới sáng tạo.

11. *Hỗ trợ nâng cao năng suất chất lượng sản phẩm, hàng hóa* là hoạt động hỗ trợ xây dựng, áp dụng các giải pháp về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hệ thống quản lý, công cụ cải tiến nhằm thúc đẩy hoạt động đổi mới sáng tạo.

12. *Cơ quan hỗ trợ* là cơ quan được giao hỗ trợ kinh phí, cơ sở hạ tầng, không gian làm việc, tài sản công cho tổ chức, cá nhân đề nghị hỗ trợ.

#### **Điều 4. Nguyên tắc**

1. Bảo đảm công khai, minh bạch trong quá trình triển khai, phù hợp mục tiêu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của Thành phố.

2. Hỗ trợ đúng đối tượng, điều kiện, nội dung, mức hỗ trợ, thời hạn hỗ trợ; theo sản phẩm đầu ra và kết quả thực hiện.

3. Ưu tiên công nghệ, sản phẩm, dịch vụ hoặc mô hình kinh doanh mới có tính đổi mới sáng tạo, mô hình khởi nghiệp xanh, khởi nghiệp số, có khả năng giải quyết những vấn đề cấp bách của Thành phố.

4. Khuyến khích hợp tác giữa Nhà nước - doanh nghiệp - trường đại học, viện nghiên cứu.

5. Không hỗ trợ trùng lặp đối với cùng một nội dung chi, cùng một sản phẩm đầu ra đối với một đối tượng trong các chính sách quy định tại Nghị quyết này hoặc chính sách khác có sử dụng ngân sách nhà nước; không thực hiện hỗ trợ mang tính bao cấp kéo dài; bảo đảm môi trường cạnh tranh bình đẳng, lành mạnh giữa các tổ chức, cá nhân.

## **Chương II**

# **PHÁT TRIỂN KHỞI NGHIỆP SÁNG TẠO, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO, BẢO VỆ QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ**

### **Mục 1. PHÁT TRIỂN KHỞI NGHIỆP SÁNG TẠO**

#### **Điều 5. Điều kiện hỗ trợ**

Cá nhân, nhóm cá nhân, hộ kinh doanh, doanh nghiệp được xem xét hỗ trợ khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

1. Là công dân Việt Nam, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ; doanh nghiệp được thành lập theo Luật Doanh nghiệp và có trụ sở chính hoặc địa điểm hoạt động hợp pháp trên địa bàn Thành phố.

2. Có dự án khởi nghiệp sáng tạo đã được đầu tư hoặc được cam kết hỗ trợ, đầu tư bởi các quỹ hợp pháp, trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo. Ưu tiên dự án đạt giải thưởng cấp Thành phố, quốc gia hoặc quốc tế hoặc đã được cấp bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, quyền tác giả; phù hợp với danh mục lĩnh vực ưu tiên hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo của Thành phố.

3. Đối với các dự án thuộc mô hình doanh nghiệp một người không yêu cầu các điều kiện tại khoản 2 Điều này, nhưng phải có sản phẩm, dịch vụ thực tế ứng dụng công nghệ số.

4. Tại thời điểm đăng ký, chưa được hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước cho cùng một nội dung đề nghị hỗ trợ.

#### **Điều 6. Nội dung hỗ trợ**

1. Cá nhân, nhóm cá nhân, hộ kinh doanh, doanh nghiệp đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 5 Nghị quyết này được hỗ trợ như sau:

a) Tối đa 100% chi phí thuê chuyên gia tư vấn phục vụ hoàn thiện sản phẩm, dịch vụ của dự án khởi nghiệp sáng tạo;

b) Tối đa 100% chi phí sử dụng cơ sở kỹ thuật, cơ sở ươm tạo phục vụ thử nghiệm, hoàn thiện sản phẩm, dịch vụ của dự án khởi nghiệp sáng tạo;

c) Tối đa 50% chi phí tham gia khóa huấn luyện ngắn hạn ở nước ngoài để phát triển dự án khởi nghiệp sáng tạo;

d) Tối đa 100% chi phí tham gia các chương trình, cuộc thi, diễn đàn, hoạt động trình diễn, giới thiệu ý tưởng, sản phẩm, dịch vụ, công nghệ, giải pháp khởi nghiệp sáng tạo, đổi mới sáng tạo do Thành phố tổ chức;

đ) Được sử dụng không gian làm việc, cơ sở hạ tầng, tài sản công thuộc phạm vi quản lý của Thành phố phục vụ dự án khởi nghiệp sáng tạo trong thời gian tối đa 03 năm; trường hợp cần thiết được gia hạn 01 lần, thời gian gia hạn tối đa 01 năm.

2. Doanh nghiệp đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 5 Nghị quyết này, ngoài hỗ trợ quy định tại khoản 1 Điều này, trong 05 năm đầu thành lập được hỗ trợ như sau:

a) Tối đa 100% chi phí đăng ký, xác lập quyền sở hữu trí tuệ đối với sản phẩm, dịch vụ của dự án khởi nghiệp sáng tạo;

b) Tối đa 100% chi phí đăng ký chất lượng sản phẩm, dịch vụ của dự án khởi nghiệp sáng tạo.

3. Cá nhân, nhóm cá nhân, hộ kinh doanh đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 5 Nghị quyết này, ngoài hỗ trợ quy định tại khoản 1 Điều này, được hỗ trợ tối đa 100% chi phí tư vấn pháp lý để thành lập doanh nghiệp triển khai dự án khởi nghiệp sáng tạo.

4. Đối với đối tượng là doanh nghiệp một người: Được hỗ trợ 100% chi phí sử dụng chữ ký số, hóa đơn điện tử, phần mềm kế toán và nền tảng quản trị doanh nghiệp trên nền tảng đám mây trong 02 năm đầu thành lập.

## **Mục 2. PHÁT TRIỂN ĐỔI MỚI SÁNG TẠO**

### **Điều 7. Hỗ trợ dự án đổi mới sáng tạo**

1. Tổ chức, doanh nghiệp có trụ sở chính hoặc địa điểm hoạt động hợp pháp trên địa bàn Thành phố được xem xét hỗ trợ khi có dự án đổi mới sáng tạo đáp ứng đồng thời các điều kiện sau đây:

a) Có tính mới, tính ứng dụng hoặc khả năng tạo tác động tích cực về kinh tế - xã hội; phù hợp với định hướng phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của Thành phố;

b) Có phương án triển khai khả thi, bao gồm hoạt động nghiên cứu, thử nghiệm, ứng dụng, chuyển giao hoặc thương mại hóa kết quả đổi mới sáng tạo; dự kiến tạo ra sản phẩm, dịch vụ;

c) Có mục tiêu, nội dung thực hiện, nguồn lực triển khai và hiệu quả dự kiến, cơ chế theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện;

d) Trường hợp tổ chức không phải là doanh nghiệp thì dự án cần có sự tham gia, hợp tác hoặc cam kết tiếp nhận, ứng dụng kết quả của doanh nghiệp hoặc tổ chức có liên quan.

2. Đối tượng đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này được hỗ trợ cho dự án đổi mới sáng tạo như sau:

a) Tối đa 50% chi phí sử dụng hạ tầng dùng chung bao gồm phòng thí nghiệm, xưởng thực nghiệm, cơ sở kiểm nghiệm, kiểm định, thiết bị chuyên dùng, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng số, cơ sở dữ liệu, nền tảng số phục vụ thử nghiệm;

b) Tối đa 50% chi phí vận hành thử nghiệm, thu thập, phân tích dữ liệu và đánh giá kết quả thử nghiệm;

c) Tối đa 50% chi phí hoàn thiện kỹ thuật trên cơ sở kết quả thử nghiệm được phê duyệt;

d) Được sử dụng không gian làm việc, cơ sở hạ tầng, tài sản công thuộc phạm vi quản lý của Thành phố phục vụ dự án đổi mới sáng tạo trong thời gian tối đa 03 năm; trường hợp cần thiết được gia hạn 01 lần, thời gian gia hạn tối đa 01 năm.

đ) Các hoạt động khác có liên quan trực tiếp đến hoạt động đổi mới sáng tạo, hỗ trợ thực hiện đổi mới sáng tạo theo các quy định pháp luật liên quan được hỗ trợ tối đa 100% chi phí hợp lệ/đơn vị/năm.

### **Điều 8. Đặt hàng, giao nhiệm vụ, mua sắm sản phẩm, dịch vụ đổi mới sáng tạo**

1. Sản phẩm, dịch vụ đổi mới sáng tạo đáp ứng yêu cầu phục vụ quản lý nhà nước, cung cấp dịch vụ công, phát triển kinh tế - xã hội hoặc giải quyết vấn đề thực tiễn của Thành phố được xem xét đặt hàng, giao nhiệm vụ, mua sắm hoặc sử dụng thử theo quy định của pháp luật.

2. Việc đặt hàng, giao nhiệm vụ, mua sắm hoặc sử dụng thử phải căn cứ nhu cầu của Thành phố, kết quả thử nghiệm, yêu cầu kỹ thuật, khả năng ứng dụng và dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Trình tự, thủ tục đặt hàng, giao nhiệm vụ, mua sắm hoặc sử dụng thử sản phẩm, dịch vụ đổi mới sáng tạo thực hiện theo quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết này và các quy định pháp luật về đấu thầu, đặt hàng, giao nhiệm vụ có sử dụng ngân sách nhà nước.

### **Điều 9. Hỗ trợ nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, hàng hóa**

1. Tổ chức, doanh nghiệp được xem xét hỗ trợ khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

a) Hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ theo đúng ngành, nghề đã đăng ký và có lĩnh vực hoạt động phù hợp với nội dung đề nghị hỗ trợ;

b) Không trong thời gian nợ đọng thuế, bảo hiểm xã hội tính đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị hỗ trợ;

c) Đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về hồ sơ, thủ tục theo quy định;

d) Ưu tiên xem xét hỗ trợ tổ chức, doanh nghiệp thuộc lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo, nông nghiệp, công nghệ cao được ưu tiên xem xét hỗ trợ.

2. Nội dung và mức hỗ trợ:

a) Hỗ trợ tối đa 80% chi phí theo giá trị hợp đồng đối với tổ chức, doanh nghiệp tham gia chương trình, kế hoạch nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Hỗ trợ một lần tối đa 30% giá trị hợp đồng chi phí thử nghiệm và chứng nhận đối với doanh nghiệp có sản phẩm xuất khẩu chủ lực đáp ứng đồng thời các tiêu chí: sản phẩm đang trong quá trình nghiên cứu phát triển; tổ chức thử nghiệm được công nhận theo tiêu chuẩn quốc tế hoặc được chỉ định theo quy định của pháp luật;

c) Hỗ trợ chi phí cung cấp, tiếp cận thông tin về tiêu chuẩn quốc tế và khu vực; kết nối với các tổ chức tiêu chuẩn quốc tế; thúc đẩy thừa nhận lẫn nhau về kết quả đánh giá sự phù hợp, tạo thuận lợi cho thương mại;

d) Nội dung hỗ trợ quy định tại mục a, b, c khoản 2 Điều này chỉ áp dụng một lần trong một năm đối với cùng một đối tượng hỗ trợ.

## **Điều 10. Sử dụng hạ tầng, cơ sở vật chất, tài sản công**

1. Các cơ quan quản lý nhà nước, doanh nghiệp nhà nước, tổ chức khoa học và công nghệ, cơ sở giáo dục công lập, cơ sở nghiên cứu công lập, cơ sở y tế công lập, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của Thành phố, Trung tâm Đổi mới sáng tạo Thành phố được khai thác không gian làm việc, cơ sở hạ tầng, tài sản công sẵn có để hỗ trợ phát triển khởi nghiệp sáng tạo, đổi mới sáng tạo theo quy định tại Nghị quyết này.

2. Việc khai thác, sử dụng không gian làm việc, cơ sở hạ tầng, tài sản công quy định tại khoản 1 Điều này phải được cấp có thẩm quyền phê duyệt, bảo đảm đúng mục đích, công khai, minh bạch và không làm ảnh hưởng đến nhiệm vụ chính trị, chuyên môn của đơn vị quản lý tài sản.

## **Điều 11. Các trường hợp giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ đổi mới sáng tạo có sử dụng ngân sách Thành phố**

1. Nhiệm vụ nhằm giải quyết toàn bộ hoặc một phần các bài toán đổi mới sáng tạo của Thành phố thông qua sản phẩm, dịch vụ, mô hình, công nghệ hoặc giải pháp đổi mới sáng tạo do tổ chức, doanh nghiệp làm chủ.

2. Các nhiệm vụ đổi mới sáng tạo khác theo quy định của pháp luật.

3. Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành quy chế quản lý nhiệm vụ đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách Thành phố.

## **Điều 12. Công nhận Trung tâm đổi mới sáng tạo trên địa bàn Thành phố**

1. Tổ chức được xem xét công nhận Trung tâm đổi mới sáng tạo khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Có tư cách pháp nhân, được thành lập và hoạt động hợp pháp; có trụ sở chính hoặc địa điểm hoạt động hợp pháp trên địa bàn Thành phố; có chức năng, nhiệm vụ hoặc ngành, nghề hoạt động phù hợp với hoạt động hỗ trợ đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo;

b) Có mục tiêu, kế hoạch hoạt động hỗ trợ đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo; thực hiện một hoặc một số hoạt động: ươm tạo, tăng tốc, tư vấn công nghệ, tư vấn sở hữu trí tuệ, kết nối chuyên gia, kết nối đầu tư, hỗ trợ thử nghiệm, hoàn thiện sản phẩm, chuyển giao công nghệ, thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ;

c) Có tối thiểu 05 nhân sự cơ hữu trực tiếp thực hiện hoạt động hỗ trợ đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo; tối thiểu 50% nhân sự có trình độ đại học trở lên, chuyên môn phù hợp với lĩnh vực hoạt động của Trung tâm;

d) Có mạng lưới kết nối chuyên gia, tổ chức khoa học và công nghệ, cơ sở giáo dục đại học, viện nghiên cứu, doanh nghiệp, nhà đầu tư, quỹ đầu tư, tổ chức trung gian hoặc tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo phù hợp với nội dung hoạt động;

đ) Có kế hoạch hoạt động hằng năm thực hiện, hỗ trợ hoạt động đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo, chế độ báo cáo, kiểm tra, giám sát, đánh giá hiệu quả hoạt động và trách nhiệm giải trình về việc sử dụng nguồn lực hỗ trợ của Thành phố theo quy định của pháp luật.

2. Tổ chức được xem xét công nhận là Trung tâm đổi mới sáng tạo cấp Thành phố khi đáp ứng điều kiện quy định tại điểm a, b, d, đ khoản 1 Điều này và điều kiện sau:

a) Có tối thiểu 10 nhân sự cơ hữu trực tiếp thực hiện hoạt động hỗ trợ đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo, trong đó tối thiểu 50% nhân sự có trình độ đại học trở lên, chuyên môn phù hợp với lĩnh vực hoạt động của Trung tâm;

b) Có hạ tầng kỹ thuật thuộc quyền quản lý, sử dụng hợp pháp hoặc có thỏa thuận hợp tác sử dụng hạ tầng kỹ thuật bằng văn bản còn thời hạn tối thiểu 03 năm kể từ ngày nộp hồ sơ đề nghị công nhận; đáp ứng các yêu cầu sau: có không gian làm việc để kết nối, tư vấn, đào tạo hoặc trình diễn sản phẩm, công nghệ; có kết nối Internet tốc độ cao, thiết bị làm việc, hệ thống lưu trữ hoặc quản lý dữ liệu; có tiện ích, dịch vụ dùng chung phục vụ ươm tạo, thử nghiệm, kết nối, tư vấn, đào tạo hoặc hỗ trợ thương mại hóa sản phẩm, dịch vụ, công nghệ.

3. Thời hạn công nhận Trung tâm đổi mới sáng tạo là 03 năm kể từ ngày có quyết định công nhận.

4. Ủy ban nhân dân Thành phố quy định chi tiết việc công nhận lại, thu hồi hoặc chấm dứt hiệu lực công nhận Trung tâm đổi mới sáng tạo, Trung tâm đổi mới sáng tạo cấp Thành phố.

### **Điều 13. Thúc đẩy văn hóa đổi mới sáng tạo**

1. Hàng năm, Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức hoặc hỗ trợ tổ chức tối thiểu 01 chương trình, cuộc thi hoặc giải thưởng cấp Thành phố về khởi nghiệp sáng tạo, đổi mới sáng tạo; các hoạt động kết nối, trình diễn, giới thiệu ý tưởng, sản phẩm, công nghệ và giải pháp nhằm phát hiện, tôn vinh, thúc đẩy thử nghiệm, ứng dụng và thương mại hóa phục vụ phát triển Thủ đô.

2. Hoạt động quy định tại khoản 1 Điều này phải gắn với mục tiêu, chủ đề hoặc bài toán đổi mới sáng tạo của Thành phố; có tiêu chí lựa chọn, sản phẩm đầu ra, phương án hỗ trợ sau chương trình. Không hỗ trợ hội nghị, hội thảo, truyền thông, trình diễn, trao giải mang tính đơn lẻ, không gắn với sản phẩm đầu ra hoặc phương án hỗ trợ sau chương trình.

3. Nội dung và mức chi:

a) Nội dung chi:

(1) Tổ chức, truyền thông, trình diễn, giới thiệu ý tưởng, sản phẩm, dịch vụ, công nghệ, giải pháp;

(2) Kết nối ý tưởng, sản phẩm, dịch vụ, công nghệ, giải pháp được lựa chọn với chuyên gia, nhà đầu tư, doanh nghiệp, tổ chức trung gian, cơ sở giáo dục đại học, viện nghiên cứu, cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và thị trường;

(3) Trao giải thưởng bằng tiền, hiện vật, dịch vụ hỗ trợ hoặc hình thức phù hợp khác;

(4) Cố vấn, huấn luyện, ươm tạo, tăng tốc, hỗ trợ hoàn thiện ý tưởng, sản phẩm, dịch vụ, công nghệ, giải pháp sau khi được lựa chọn hoặc trao giải;

(5) Kết nối với hoạt động thử nghiệm, đánh giá, hoàn thiện, đặt hàng bài toán đổi mới sáng tạo của Thành phố; xác lập, khai thác, bảo vệ và thương mại hóa quyền sở hữu trí tuệ;

(6) Phục vụ tổ chức chương trình, cuộc thi, giải thưởng, gồm: chi hội đồng, tổ chuyên gia, thẩm định, chấm chọn, thuê chuyên gia, tổ chức sự kiện, truyền thông và các nhiệm vụ phục vụ khác;

b) Mức chi:

(1) Chi thưởng bằng tiền mặt quy định tại mục (3) điểm a khoản 3 Điều này:

Giải đặc biệt: bằng 50 lần mức lương tối thiểu vùng I;

Giải nhất: bằng 45 lần mức lương tối thiểu vùng I;

Giải nhì: bằng 35 lần mức lương tối thiểu vùng I;

Giải ba: bằng 25 lần mức lương tối thiểu vùng I;

Giải khuyến khích, giải chuyên đề, giải theo lĩnh vực hoặc giải tiềm năng: bằng 15 lần mức lương tối thiểu vùng I;

(2) Ngoài nội dung đã quy định tại mục (1) điểm b khoản 3 Điều này, các nội dung khác quy định tại mục a khoản 3 Điều này được thực hiện theo định mức, dự toán, chế độ chi tiêu hiện hành.

c) Nguồn kinh phí chi cho hoạt động quy định tại Điều này được bố trí từ ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ của Thành phố hoặc các nguồn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật. Việc chi thưởng bằng tiền mặt chỉ được thực hiện khi chương trình, cuộc thi, giải thưởng đã có sản phẩm đầu ra cụ thể, phương án hỗ trợ sau chương trình và được Hội đồng thẩm định độc lập đánh giá, lựa chọn.

### **Mục 3. BẢO VỆ QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ**

#### **Điều 14. Đăng ký bảo hộ và quản trị quyền sở hữu trí tuệ**

1. Đối tượng hỗ trợ:

a) Kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo;

b) Sản phẩm, dịch vụ của doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo;

c) Sản phẩm, dịch vụ gắn với OCOP, làng nghề, nông nghiệp, du lịch và công nghiệp văn hóa của Thành phố.

2. Điều kiện hỗ trợ:

a) Đáp ứng điều kiện bảo hộ hoặc xác lập quyền theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ;

b) Có cam kết khai thác, sử dụng và quản trị quyền sở hữu trí tuệ phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn Thành phố.

3. Nội dung và mức hỗ trợ:

a) Hỗ trợ tối đa 100% chi phí tư vấn và đăng ký bảo hộ trong nước đối với sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu;

b) Hỗ trợ tối đa 60% chi phí tư vấn và đăng ký bảo hộ sáng chế, nhãn hiệu ở nước ngoài hoặc đăng ký quốc tế;

c) Hỗ trợ đăng ký bảo hộ trong nước đối với chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể gắn với địa danh của Thành phố;

d) Hỗ trợ quản lý, triển khai việc sử dụng nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận, chỉ dẫn địa lý gắn với địa danh của Thành phố;

đ) Hỗ trợ xây dựng hệ thống quản trị tài sản trí tuệ nội bộ gắn với hoạt động nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh, chuyển giao công nghệ, khai thác thương mại và quản trị rủi ro pháp lý về quyền sở hữu trí tuệ;

e) Các nội dung quy định tại điểm c, d, đ khoản 3 Điều này được thực hiện theo dự toán nhiệm vụ đổi mới sáng tạo được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Ưu tiên các đối tượng sở hữu trí tuệ có khả năng thương mại hóa cao, công nghệ chiến lược, công nghệ lõi, sản phẩm, dịch vụ OCOP, làng nghề, công nghiệp văn hóa, kết quả nghiên cứu khoa học và đổi mới sáng tạo của Thủ đô.

### **Điều 15. Hỗ trợ phòng, chống xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ**

1. Tổ chức, cá nhân trên địa bàn Thành phố có hoạt động tạo lập, quản lý, khai thác, sử dụng, bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ hợp pháp được xem xét hỗ trợ khi đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Có hoạt động quản lý, khai thác hoặc sử dụng hợp pháp quyền sở hữu trí tuệ trên địa bàn Thành phố;

b) Nội dung đề nghị hỗ trợ phục vụ trực tiếp hoạt động tự bảo vệ, phòng, chống xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ hoặc nâng cao năng lực quản trị tài sản trí tuệ.

2. Nội dung và mức hỗ trợ:

a) Nội dung hỗ trợ:

(1) Ứng dụng giải pháp công nghệ, nền tảng số, trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn hoặc công cụ kỹ thuật phục vụ nhận diện, giám sát, phát hiện, cảnh báo nguy cơ xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, đặc biệt trong môi trường số và thương mại điện tử; áp dụng giải pháp công nghệ phục vụ truy xuất nguồn gốc, xác thực sản phẩm, chống giả, chống sao chép và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ;

(2) Rà soát, đánh giá nguy cơ xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ; hỗ trợ xây dựng phương án kiểm soát, cảnh báo và xử lý rủi ro đối với tài sản trí tuệ trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và thương mại điện tử;

(3) Thu thập, tư vấn và lập hồ sơ giám định nhanh mẫu vật có dấu hiệu xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ.

b) Mức hỗ trợ:

(1) Nội dung quy định tại mục (1), (2), điểm a khoản 2 Điều này: Hỗ trợ tối đa 70% hợp đồng và mỗi năm không quá 01 hợp đồng cho một tổ chức, doanh nghiệp trong một năm ngân sách;

(2) Nội dung quy định tại mục (3) điểm a khoản 2 Điều này: Hỗ trợ tối đa 100% chi phí thực tế hợp pháp.

### Chương III

## THÀNH LẬP, QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH, GÓP VỐN VÀO DOANH NGHIỆP ĐỂ THƯƠNG MẠI HÓA KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC, PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ

### Điều 16. Điều kiện đối với cơ sở công lập

1. Cơ sở giáo dục đại học công lập, cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập, tổ chức khoa học và công nghệ công lập khác thuộc phạm vi quản lý của thành phố Hà Nội (sau đây gọi tắt là cơ sở công lập) được thành lập, tham gia thành lập, tham gia quản lý, điều hành, tham gia góp vốn vào doanh nghiệp để thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ thuộc quyền sở hữu trí tuệ của cơ sở, tổ chức đó khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Có kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ thuộc quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hợp pháp của cơ sở, tổ chức. Kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ dự kiến thương mại hóa không có tranh chấp về quyền sở hữu trí tuệ tại thời điểm xây dựng đề án; không thuộc bí mật nhà nước, lĩnh vực quốc phòng, an ninh hoặc trường hợp pháp luật cấm, hạn chế góp vốn, chuyển giao, thương mại hóa;

b) Có tài sản hợp pháp được phép sử dụng để góp vốn theo quy định của pháp luật;

c) Có đề án thành lập, tham gia thành lập, tham gia quản lý, điều hành, tham gia góp vốn vào doanh nghiệp được xây dựng, thẩm định, phê duyệt theo quy định tại Nghị quyết này và pháp luật có liên quan.

2. Việc thành lập, tham gia thành lập, tham gia quản lý, điều hành, tham gia góp vốn vào doanh nghiệp phải bảo đảm không làm ảnh hưởng đến việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao của cơ sở công lập; không làm thất thoát tài sản công; bảo đảm công khai, minh bạch, hiệu quả và trách nhiệm giải trình.

### Điều 17. Tài sản góp vốn và xác định giá trị tài sản góp vốn

1. Tài sản được sử dụng để góp vốn vào doanh nghiệp để thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ bao gồm:

a) Tiền từ các quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, quỹ phát triển khoa học và công nghệ của cơ sở công lập theo quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; tiền tài trợ, viện trợ, tặng cho hợp pháp có mục đích dành cho hoạt động thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ;

b) Tài sản trí tuệ bao gồm quyền sở hữu, quyền sử dụng hợp pháp đối với các kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 16 và các đối tượng quyền sở hữu trí tuệ có liên quan, được định giá theo quy định tại khoản 3 Điều này;

c) Tài sản công khác do cơ sở công lập được giao quản lý, sử dụng hợp pháp, bao gồm tài sản hình thành từ kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước hoặc tài sản công được phép sử dụng để góp vốn theo

quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Việc sử dụng tài sản công quy định tại điểm c khoản này chỉ được thực hiện khi đáp ứng đồng thời các điều kiện sau:

(1) Phù hợp với mục tiêu thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ của cơ sở công lập;

(2) Không làm ảnh hưởng đến việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ chính trị, chuyên môn của cơ sở công lập;

(3) Được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại Điều 19 Nghị quyết này và các quy định pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công;

(4) Không bao gồm đất đai, quyền sử dụng đất, trụ sở làm việc, tài sản công phục vụ nhiệm vụ chính trị, quốc phòng, an ninh, an sinh xã hội hoặc tài sản công thuộc trường hợp pháp luật cấm, hạn chế sử dụng để góp vốn, liên doanh, liên kết, hoặc phải được xử lý theo trình tự, thẩm quyền riêng theo quy định của pháp luật.

2. Việc sử dụng tài sản để góp vốn phải được thực hiện đúng thẩm quyền, đúng mục đích, có hồ sơ pháp lý đầy đủ, có phương án bảo toàn và phát triển vốn, không làm thất thoát tài sản công và tuân thủ quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, pháp luật doanh nghiệp, pháp luật tài chính, kế toán, pháp luật sở hữu trí tuệ, pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và pháp luật có liên quan.

3. Xác định giá trị tài sản trí tuệ để góp vốn:

a) Ưu tiên áp dụng phương thức tự thỏa thuận: Người đứng đầu cơ sở công lập thành lập Hội đồng tư vấn để xác định giá trị tối thiểu của tài sản trí tuệ. Trên cơ sở đó, các bên tham gia góp vốn tự thỏa thuận, thống nhất bằng văn bản về giá trị tài sản góp vốn và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của giá trị đã thỏa thuận;

b) Trong trường hợp các bên không tự thỏa thuận được hoặc xét thấy cần thiết, các bên thống nhất lựa chọn tổ chức có chức năng thẩm định giá để xác định giá trị tài sản góp vốn. Chi phí thẩm định giá do các bên tự thỏa thuận hoặc tính vào chi phí chuẩn bị góp vốn.

4. Xác định giá trị tài sản công khác để góp vốn:

a) Việc xác định giá trị tài sản khi góp vốn được thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, pháp luật về giá, pháp luật về doanh nghiệp và pháp luật có liên quan;

b) Ưu tiên áp dụng phương thức định giá độc lập bởi tổ chức có chức năng thẩm định giá được cơ quan có thẩm quyền công nhận; chi phí định giá do các bên thỏa thuận hoặc tính vào chi phí chuẩn bị góp vốn.

5. Hồ sơ xác định giá trị tài sản góp vốn phải thể hiện căn cứ xác lập quyền, tình trạng pháp lý, phạm vi quyền, khả năng khai thác thương mại và phương án bảo toàn vốn nhà nước.

**Điều 18. Đề án thành lập, tham gia thành lập, tham gia quản lý, điều hành, tham gia góp vốn vào doanh nghiệp**

1. Cơ sở công lập xây dựng Đề án thành lập, tham gia thành lập, tham gia quản lý, điều hành, tham gia góp vốn vào doanh nghiệp để thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ.

2. Đề án bao gồm các nội dung sau đây:

- a) Cơ sở pháp lý, sự cần thiết, mục tiêu của Đề án;
- b) Căn cứ xác lập quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hợp pháp đối với kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ dự kiến thương mại hóa;
- c) Thực trạng quản lý, sử dụng tài sản dự kiến góp vốn;
- d) Phương án sử dụng tài sản, tỷ lệ vốn góp, phương thức góp vốn, kế hoạch góp vốn;
- đ) Phương án thương mại hóa, phân tích thị trường, mô hình kinh doanh, phương án tài chính, phương án quản trị doanh nghiệp; Phương án đánh giá tác động đến việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của cơ sở công lập và phương án xử lý xung đột lợi ích (nếu có);
- e) Dự thảo điều lệ doanh nghiệp hoặc nội dung cơ bản của thỏa thuận góp vốn, thỏa thuận hợp tác;
- g) Phương án quản lý phần vốn góp, cử người đại diện phần vốn góp, chế độ báo cáo, giám sát, đánh giá hiệu quả;
- h) Cơ chế chia sẻ lợi ích, phân chia lợi nhuận, xử lý rủi ro, lỗ phát sinh, thoái vốn, chuyển nhượng phần vốn góp, giải thể, phá sản doanh nghiệp;
- i) Phương án xử lý quyền sở hữu trí tuệ, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ trong trường hợp doanh nghiệp chấm dứt hoạt động, cơ sở công lập thoái vốn hoặc chấm dứt thỏa thuận khai thác thương mại; phương án bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ của cơ sở công lập trong trường hợp doanh nghiệp giải thể hoặc thoái vốn;
- k) Trách nhiệm của cơ sở công lập, viên chức, nhóm tác giả, đối tác tham gia và tổ chức, cá nhân có liên quan.

3. Người đứng đầu cơ sở công lập có trách nhiệm phê duyệt Đề án thành lập, tham gia thành lập, tham gia quản lý, điều hành, tham gia góp vốn vào doanh nghiệp để thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ.

**Điều 19. Thẩm quyền quyết định thành lập, tham gia thành lập, tham gia quản lý, điều hành, tham gia góp vốn vào doanh nghiệp**

1. Người đứng đầu cơ sở công lập quyết định việc sử dụng tài sản của cơ sở công lập để thành lập, tham gia thành lập, quản lý, điều hành, góp vốn vào doanh nghiệp trong phạm vi thẩm quyền được giao; trường hợp vượt thẩm quyền phải trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định của pháp luật.

2. Đối với Đề án có sử dụng tài sản có giá trị lớn, tài sản có nguồn gốc từ nhiệm vụ sử dụng ngân sách nhà nước, tài sản dùng để góp vốn chi phối hoặc có tác động rộng đến quyền, lợi ích của Nhà nước, cơ sở công lập, nhóm tác giả, viên chức và tổ chức, cá nhân có liên quan, cơ sở công lập lấy ý kiến cơ quan cấp trên trực tiếp hoặc cơ quan chuyên môn có liên quan của Thành phố trước khi quyết định hoặc trình cấp có thẩm quyền quyết định theo quy định pháp luật.

**Điều 20. Điều kiện đối với viên chức, quyền và nghĩa vụ của viên chức tham gia góp vốn, quản lý, điều hành doanh nghiệp**

1. Khi được sự đồng ý bằng văn bản của người đứng đầu cơ sở công lập quy định tại Điều 16 Nghị quyết này và không thuộc trường hợp pháp luật cấm, viên chức làm việc tại cơ sở công lập đó được tham gia góp vốn, tham gia quản lý, điều hành doanh nghiệp thuộc các trường hợp sau:

a) Trường hợp viên chức tham gia góp vốn: có đăng ký tham gia góp vốn để thành lập doanh nghiệp do cơ sở công lập đó tham gia thành lập, tham gia góp vốn; có quyết định cho phép viên chức tham gia góp vốn để thành lập doanh nghiệp do cơ sở công lập đó tham gia thành lập hoặc tham gia góp vốn của người đứng đầu cơ sở công lập;

b) Trường hợp viên chức là người đại diện theo ủy quyền của cơ sở công lập tại doanh nghiệp: có quyết định cử một hoặc một số viên chức làm người đại diện theo ủy quyền của cơ sở công lập tại doanh nghiệp theo quy định của pháp luật doanh nghiệp, quyết định cử viên chức là người đại diện theo ủy quyền quy định rõ thời gian kiêm nhiệm hoặc biệt phái, trách nhiệm, nghĩa vụ, quyền hạn của viên chức;

c) Trường hợp viên chức tham gia quản lý, điều hành doanh nghiệp: có quyết định cử viên chức đủ điều kiện tham gia quản lý, điều hành doanh nghiệp theo quy định của pháp luật doanh nghiệp. Quyết định cử viên chức tham gia quản lý, điều hành doanh nghiệp quy định rõ thời gian kiêm nhiệm hoặc biệt phái, chế độ làm việc, lương, thưởng, phụ cấp, quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của viên chức.

2. Quyền và nghĩa vụ của viên chức:

a) Được cơ sở công lập cử làm đại diện theo ủy quyền, tham gia quản lý, điều hành, làm việc tại doanh nghiệp nơi viên chức làm việc bảo đảm đầy đủ quyền lợi của viên chức, bao gồm đào tạo, bồi dưỡng, quy hoạch, bổ nhiệm, nâng lương, đánh giá xếp loại, khen thưởng, kỷ luật. Được bố trí công việc phù hợp khi hết thời hạn cử làm quản lý, điều hành, làm việc tại doanh nghiệp. Chế độ, chính sách không thấp hơn thời điểm viên chức, viên chức quản lý được cử tham gia quản lý, điều hành, làm việc tại doanh nghiệp. Được bảo vệ theo cơ chế chấp nhận rủi ro theo quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

b) Phải thực hiện nghĩa vụ của viên chức theo quy định của pháp luật về viên chức, pháp luật doanh nghiệp, theo điều lệ của doanh nghiệp và thỏa thuận giữa các bên; bảo vệ bí mật nhà nước, bí mật kinh doanh, bí quyết kỹ thuật, dữ liệu, thông tin nội bộ; báo cáo định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu của cơ sở công lập hoặc cơ quan có thẩm quyền.

## **Điều 21. Quản lý phần vốn góp, xử lý rủi ro và thoái vốn**

1. Phần vốn góp của cơ sở công lập tại doanh nghiệp được quản lý, theo dõi, hạch toán, giám sát theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, pháp luật doanh nghiệp, pháp luật tài chính, kế toán và pháp luật có liên quan; phải được kiểm toán độc lập hằng năm đối với phần vốn góp của cơ sở công lập.

2. Người đại diện phần vốn góp của cơ sở công lập tại doanh nghiệp thực hiện quyền, nghĩa vụ theo quyết định cử, điều lệ doanh nghiệp, thỏa thuận góp vốn và quy định của pháp luật; định kỳ báo cáo cơ sở công lập về tình hình hoạt động, tình hình tài chính, việc khai thác kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và quyền sở hữu trí tuệ, phân chia lợi nhuận, các rủi ro và nghĩa vụ phát sinh của doanh nghiệp.

3. Người đứng đầu cơ sở công lập có trách nhiệm tổ chức quản lý, giám sát phần vốn góp; bảo đảm việc sử dụng phần vốn góp đúng mục đích, công khai, minh bạch, hiệu quả; trường hợp để xảy ra thất thoát tài sản công, vi phạm quy định của pháp luật hoặc thiếu trách nhiệm trong quản lý thì phải chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

4. Việc chuyển nhượng, thoái vốn, chấm dứt góp vốn hoặc xử lý phần vốn góp khi doanh nghiệp giải thể, phá sản được thực hiện theo đề án được phê duyệt, điều lệ doanh nghiệp, thỏa thuận giữa các bên và quy định của pháp luật; bảo đảm không làm thất thoát tài sản công, không làm mất quyền kiểm soát hợp pháp đối với kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ thuộc quyền sở hữu trí tuệ của cơ sở công lập.

5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật, sử dụng phần vốn góp không đúng mục đích hoặc gây thất thoát tài sản công thì cơ sở công lập hoặc cơ quan có thẩm quyền thực hiện các biện pháp xử lý theo quy định của pháp luật và xem xét việc thu hồi phần vốn góp, chấm dứt việc khai thác tài sản trí tuệ hoặc áp dụng các biện pháp cần thiết khác để bảo vệ lợi ích của Nhà nước.

6. Việc xem xét, xử lý các rủi ro phát sinh trong hoạt động thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo được thực hiện theo quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và các quy định pháp luật có liên quan.

## **Điều 22. Nội dung và mức hỗ trợ**

1. Hỗ trợ 100% chi phí/1 hồ sơ tư vấn, lập hồ sơ đăng ký chuyển giao quyền sử dụng quyền sở hữu trí tuệ.

2. Hỗ trợ 100% chi phí hoạt động tư vấn xây dựng hồ sơ thành lập, tham gia thành lập, tham gia quản lý, điều hành, tham gia góp vốn vào doanh nghiệp để thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ.

3. Hỗ trợ tối đa 70% chi phí/1 hồ sơ xác định giá tài sản góp vốn.

## **Chương IV**

### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 23. Tiếp nhận và thẩm định, đánh giá hồ sơ**

1. Sở Khoa học và Công nghệ là cơ quan tiếp nhận hồ sơ đề nghị hỗ trợ của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân, tổ chức trung gian hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

2. Căn cứ tính chất, quy mô, nội dung hỗ trợ, cơ quan tiếp nhận thành lập Hội đồng thẩm định và đánh giá, thuê tổ chức tư vấn thẩm định và đánh giá, chuyên gia độc lập hoặc áp dụng hình thức khác theo quy định của pháp luật để thẩm định, đánh giá hồ sơ đề nghị hỗ trợ nghiệm thu kết quả thực hiện theo Nghị quyết này.

a) Hội đồng thẩm định và đánh giá:

(1) Hội đồng gồm có 01 Chủ tịch hội đồng, 01 Phó Chủ tịch hội đồng, Ủy viên phản biện và Ủy viên hội đồng. Thành viên Hội đồng bao gồm các chuyên gia có uy tín, chuyên môn phù hợp, và đại diện cơ quan chuyên môn, đơn vị có liên quan thuộc Thành phố;

(2) Nguyên tắc làm việc, trách nhiệm, nghĩa vụ, quyền hạn của Hội đồng và thành viên Hội đồng được quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết này;

(3) Thành viên Hội đồng thẩm định và đánh giá không được tham gia thẩm định hồ sơ của tổ chức, doanh nghiệp mà mình hoặc người thân có quyền lợi liên quan trực tiếp.

b) Tổ chức tư vấn thẩm định và đánh giá, chuyên gia độc lập:

(1) Có năng lực, chuyên môn và kinh nghiệm tổ chức thực hiện hoạt động thẩm định, đánh giá về các nội dung liên quan; tổ chức phải có tư cách pháp nhân;

(2) Bảo đảm độc lập, khách quan, công khai, minh bạch; tuân thủ liêm chính khoa học, đạo đức nghề nghiệp; bảo mật thông tin trong hồ sơ; chịu trách nhiệm trước pháp luật và cơ quan có thẩm quyền về kết quả thẩm định, đánh giá;

(3) Thành viên Hội đồng thẩm định và đánh giá, tổ chức tư vấn, chuyên gia độc lập không được tham gia thẩm định, đánh giá hồ sơ của tổ chức, cá nhân mà mình hoặc người thân có quyền lợi, lợi ích trực tiếp hoặc gián tiếp theo quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng.

3. Mức chi cho hoạt động của Hội đồng thẩm định và đánh giá, chuyên gia độc lập thực hiện theo quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị quyết này. Các nội dung chi khác chưa được quy định tại Nghị quyết này được thực hiện theo các quy định pháp luật khác có liên quan.

### **Điều 24. Kiểm tra, giám sát, đánh giá hiệu quả sau hỗ trợ**

1. Đối tượng được hỗ trợ, tổ chức trung gian, tổ chức cung cấp dịch vụ và tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm báo cáo tiến độ, kết quả thực hiện, hiệu quả sau hỗ trợ và cung cấp hồ sơ, tài liệu phục vụ kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

2. Việc kiểm tra được thực hiện trực tiếp tại địa điểm triển khai hoặc gián tiếp thông qua báo cáo, hồ sơ, dữ liệu, hệ thống thông tin và phương thức điện tử phù hợp.

3. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì theo dõi, kiểm tra, tổng hợp kết quả thực hiện Nghị quyết, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố theo quy định.

### **Điều 25. Đánh giá hiệu quả sau hỗ trợ**

1. Việc đánh giá hiệu quả sau hỗ trợ được thực hiện trên cơ sở sản phẩm đầu ra, khả năng thương mại hóa và tác động thực tế.

2. Tiêu chí đánh giá bao gồm:

a) Doanh thu phát sinh;

b) Số lượng người dùng;

c) Số lượng hợp đồng, giao dịch;

d) Vốn huy động;

đ) Số lượng quyền sở hữu trí tuệ được xác lập hoặc khai thác;

e) Hiệu quả tiết kiệm chi phí, thời gian hoặc nguồn lực;

g) Mức độ giải quyết bài toán đổi mới sáng tạo của Thành phố;

h) Tác động xã hội và môi trường.

3. Kết quả đánh giá là căn cứ xem xét tiếp tục hỗ trợ, nhân rộng mô hình.

### **Điều 26. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân Thành phố**

1. Tùy thuộc vào khả năng cân đối nguồn lực, quyết định mức hỗ trợ cụ thể đối với từng hồ sơ đề xuất; ban hành danh mục lĩnh vực ưu tiên hỗ trợ đổi mới sáng tạo, hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo; danh mục bài toán đổi mới sáng tạo; trình tự xây dựng, phê duyệt đề án thành lập, tham gia thành lập, tham gia quản lý, điều hành, tham gia góp vốn vào doanh nghiệp và các điều kiện khác trong sử dụng tài sản góp vốn, phân chia lợi nhuận và xử lý rủi ro; quy chế quản lý nhiệm vụ đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách thành phố; quy định hồ sơ, trình tự, thủ tục, thẩm quyền công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo trên địa bàn Thành phố; quy định

chi tiết hợp đồng hỗ trợ và các quy trình, mẫu biểu, nội dung cần thiết khác để tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Chỉ đạo các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị sự nghiệp, tổ chức hỗ trợ đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo triển khai thực hiện Nghị quyết này.

3. Định kỳ hằng năm hoặc theo yêu cầu, rà soát, đánh giá việc thực hiện Nghị quyết, báo cáo Hội đồng nhân dân Thành phố kết quả thực hiện.

### **Điều 27. Trách nhiệm của cơ quan hỗ trợ**

1. Kiểm tra, giám sát việc sử dụng kinh phí, không gian làm việc, cơ sở hạ tầng, tài sản công; đề nghị thu hồi khi phát hiện vi phạm.

2. Trường hợp phát hiện hoặc có căn cứ xác định tổ chức, cá nhân được hỗ trợ sử dụng không gian làm việc, cơ sở hạ tầng, tài sản công không đúng mục đích, công năng, phạm vi, thời hạn được cho phép, cơ quan hỗ trợ có trách nhiệm yêu cầu tổ chức, cá nhân tạm dừng sử dụng và thực hiện biện pháp khắc phục.

### **Điều 28. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân được hỗ trợ**

1. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ, trung thực của hồ sơ, báo cáo, dữ liệu cung cấp.

2. Báo cáo tiến độ, kết quả thực hiện, hiệu quả sau hỗ trợ; báo cáo, cung cấp đầy đủ hồ sơ, chứng từ, dữ liệu, tài liệu liên quan đến việc sử dụng hỗ trợ theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

3. Bảo quản không gian làm việc, cơ sở hạ tầng, tài sản công do Thành phố hỗ trợ; thực hiện hoàn trả kinh phí, khắc phục các thiệt hại gây ra do sử dụng không đúng mục đích theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

### **Điều 29. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức thực hiện các nội dung quy định tại Nghị quyết này, bảo đảm khả năng cân đối ngân sách thực hiện chính sách. Trường hợp phát sinh khó khăn, vướng mắc vượt thẩm quyền, kịp thời tổng hợp, báo cáo Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét, giải quyết hoặc ban hành sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế cho phù hợp với điều kiện của Thành phố.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố, các Ban của Hội đồng nhân dân Thành phố, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố có trách nhiệm giám sát quá trình tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết này.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội phối hợp giám sát việc tổ chức triển khai thực hiện.

### **Điều 30. Hiệu lực thi hành**

1. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.
2. Việc loại trừ, miễn trách nhiệm pháp lý đối với người đứng đầu cơ quan, đơn vị, người tham gia xây dựng, ban hành, thi hành Nghị quyết này thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thủ đô số 02/2026/QH16.

*Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội khóa XVII, Kỳ họp thứ Tư thông qua ngày 15 tháng 6 năm 2026./.*

#### **Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ủy ban Công tác đại biểu của Quốc hội;
- Ủy ban KH, CN và MT của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: KH&CN, Quốc phòng, Công an, Nội vụ, Tài chính, Tư pháp;
- Cục KTVB&QLXLVPHC - Bộ Tư pháp;
- Ban Thường vụ Thành ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội TP Hà Nội;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQ Thành phố;
- Các Ban Đảng Thành ủy, VPTU;
- Các Ban của HĐND Thành phố;
- Các vị Đại biểu HĐND Thành phố;
- Các VP: Đoàn ĐBQH&HĐND, UBND TP;
- Các sở, ban, ngành Thành phố;
- Đảng ủy các xã, phường;
- TT HĐND, UBND các xã, phường;
- Trang TTĐT của Đoàn ĐBQH và HĐND TP;
- Trung tâm TT, DL và CNS Thành phố;
- Lưu: VT.



**CHỦ TỊCH**

**Phùng Thị Hồng Hà**

**Phụ lục I**

**TRÌNH TỰ, THỦ TỤC THỰC HIỆN HỖ TRỢ  
KHỞI NGHIỆP SÁNG TẠO, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO**

*(Kèm theo Nghị quyết số 58/2026/NQ-HĐND ngày 15 tháng 6 năm 2026  
của Hội đồng nhân dân Thành phố)*

**1. Phạm vi áp dụng:**

Phụ lục này quy định trình tự, thủ tục thực hiện các nội dung hỗ trợ quy định tại Chương II và Chương III Nghị quyết này, trừ trường hợp đặt hàng, giao nhiệm vụ, mua sắm công, thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

**2. Nộp hồ sơ đề nghị hỗ trợ:**

a) Cá nhân, nhóm cá nhân, hộ kinh doanh, doanh nghiệp, tổ chức đề nghị hỗ trợ nộp hồ sơ trực tiếp, trực tuyến hoặc thông qua tổ chức trung gian, tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo;

b) Cơ quan tiếp nhận kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thì hướng dẫn hoàn thiện một lần bằng văn bản hoặc trên hệ thống trực tuyến.

**3. Thành phần hồ sơ:**

a) Văn bản đề nghị hỗ trợ;

b) Thuyết minh đề xuất hỗ trợ, trong đó xác định rõ đối tượng đề nghị hỗ trợ, dự án khởi nghiệp sáng tạo hoặc dự án đổi mới sáng tạo, nội dung hỗ trợ, kinh phí đề nghị hỗ trợ, nguồn lực thực hiện, sản phẩm hoặc kết quả đầu ra;

c) Tài liệu chứng minh đáp ứng điều kiện hỗ trợ theo Chương II hoặc Chương III Nghị quyết này;

d) Tài liệu chứng minh chi phí dự kiến hoặc chi phí đã thực hiện, gồm báo giá, hợp đồng, hóa đơn, chứng từ hoặc tài liệu tương đương phù hợp với từng nội dung hỗ trợ;

đ) Tài liệu khác có liên quan theo yêu cầu của từng chương trình, nhiệm vụ hỗ trợ.

**4. Kiểm tra, đánh giá hồ sơ:**

a) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, cơ quan chủ trì thực hiện hỗ trợ kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ;

b) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày có hồ sơ hợp lệ, cơ quan chủ trì thực hiện hỗ trợ tổ chức thẩm định, đánh giá hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều 23 Nghị quyết này;

c) Đối với nội dung hỗ trợ sử dụng không gian làm việc, cơ sở hạ tầng, tài sản công; tham gia chương trình, cuộc thi, giải thưởng, diễn đàn, hoạt động trình diễn, giới thiệu sản phẩm; tư vấn pháp lý; đào tạo, tập huấn, cơ quan chủ trì thực hiện hỗ trợ đánh giá theo hồ sơ, tiêu chí công bố và khả năng bố trí nguồn lực, không bắt buộc thành lập Hội đồng thẩm định;

d) Trường hợp cần bổ sung, làm rõ hồ sơ, cơ quan chủ trì thực hiện hỗ trợ thông báo cho đối tượng đề nghị hỗ trợ. Thời hạn bổ sung hồ sơ không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu;

đ) Trường hợp hồ sơ không đáp ứng điều kiện hoặc không được bổ sung, hoàn thiện theo yêu cầu, cơ quan chủ trì thực hiện hỗ trợ thông báo từ chối hỗ trợ bằng văn bản và nêu rõ lý do.

5. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả đánh giá, cơ quan chủ trì thực hiện hỗ trợ tổng hợp, trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, phê duyệt hỗ trợ.

6. Tổ chức thực hiện hỗ trợ:

a) Căn cứ quyết định phê duyệt hỗ trợ, cơ quan được giao nhiệm vụ hỗ trợ thực hiện ký hợp đồng hỗ trợ với tổ chức, cá nhân được hỗ trợ;

b) Trường hợp Quỹ phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của Thành phố được thành lập và được giao nhiệm vụ, Quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức, hoạt động của Quỹ.

7. Nghiệm thu, thanh toán:

Việc nghiệm thu, thanh toán được thực hiện trên cơ sở nội dung được phê duyệt, sản phẩm, kết quả đầu ra, tài liệu chứng minh được quy định trong hợp đồng hỗ trợ.

**Phụ lục II****NGUYÊN TẮC LÀM VIỆC, TRÁCH NHIỆM, NGHĨA VỤ, QUYỀN HẠN  
CỦA HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH VÀ ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ**

*(Kèm theo Nghị quyết số 58/2026/NQ-HĐND ngày 15 tháng 6 năm 2026  
của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội)*

1. Đối với hồ sơ đề nghị hỗ trợ cần thành lập Hội đồng thẩm định và đánh giá, sau khi tiếp nhận đề nghị hỗ trợ của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân, cơ quan chuyên môn thuộc Thành phố thành lập Hội đồng thẩm định và đánh giá để thẩm định, đánh giá hồ sơ đề nghị hỗ trợ.

2. Hội đồng thẩm định và đánh giá có trách nhiệm sau đây:

a) Thẩm định, đánh giá hồ sơ đề nghị hỗ trợ, nghiệm thu kết quả thực hiện theo quy định của Nghị quyết này;

b) Tham gia giám sát định kỳ với vai trò đánh giá độc lập; khuyến nghị tiếp tục hoặc chấm dứt hỗ trợ trong các trường hợp đặc biệt.

3. Hội đồng tư vấn làm việc theo nguyên tắc sau đây:

a) Phiên họp của Hội đồng phải có mặt ít nhất 3/4 số thành viên của Hội đồng, trong đó phải có Chủ tịch hoặc Phó chủ tịch, có ít nhất 02 nhận xét phản biện và một Ủy viên phản biện có mặt;

b) Hoạt động theo nguyên tắc tập trung dân chủ, đánh giá một cách trung thực, khách quan và công bằng; chịu trách nhiệm cá nhân về kết quả đánh giá của mình và trách nhiệm tập thể về kết luận chung của Hội đồng;

c) Các thành viên Hội đồng tiến hành đánh giá hồ sơ đề xuất nhiệm vụ hỗ trợ bằng Phiếu đánh giá. Các ý kiến kết luận của Hội đồng được thông qua khi trên ba phần tư (3/4) số thành viên của Hội đồng có mặt nhất trí bằng hình thức biểu quyết trực tiếp hoặc bỏ phiếu kín và được thể hiện bằng biên bản họp Hội đồng;

d) Các thành viên Hội đồng, thư ký hành chính có trách nhiệm giữ bí mật về các thông tin liên quan đến quá trình đánh giá và kết quả đánh giá hồ sơ đề xuất hỗ trợ.



**Phụ lục III**  
**MỨC CHI CHO HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH VÀ ĐÁNH GIÁ,**  
**CHUYÊN GIA ĐỘC LẬP**

*(Kèm theo Nghị quyết số 58/2026/NQ-HĐND ngày 15 tháng 6 năm 2026  
của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội)*

STT	Nội dung chi	Định mức xây dựng dự toán
<b>1</b>	<b>Chi Hội đồng thẩm định và đánh giá</b>	
<i>a</i>	<i>Chi họp Hội đồng</i>	
	Chủ tịch Hội đồng	3.000.000 đồng/người/hội đồng
	Phó chủ tịch hội đồng, ủy viên hội đồng	2.500.000 đồng/người/hội đồng
	Thư ký khoa học	1.000.000 đồng/người/hội đồng
	Thư ký hành chính	1.000.000 đồng/người/hội đồng
	Đại biểu	500.000 đồng/người/hội đồng
<i>b</i>	<i>Chi nhận xét đánh giá</i>	
	Nhận xét đánh giá của Ủy viên hội đồng	1.500.000 đồng/01 phiếu nhận xét
	Nhận xét đánh giá của Chủ tịch Hội đồng, Ủy viên phản biện	2.000.000 đồng/01 phiếu nhận xét
	Mua Văn phòng phẩm, in ấn, nước uống và các chi phí cần thiết khác	Tối đa 2.000.000 đồng/hội đồng
<b>2</b>	<b>Chi thù lao chuyên gia tư vấn độc lập</b>	
	Chuyên gia	3.000.000 đồng/người/nhiệm vụ